TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---------------------------------



**BÁO CÁO CUỐI KỲ**

**HỌC KỲ 3/2020-2021**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Đề tài**: **Chính sách cai trị của thực dân Pháp và thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Tàn dư của những chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam hiện nay.**

**Nhóm 07**

**Giảng viên hướng dẫn: Phạm Văn Lương**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2021**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---------------------------------



**BÁO CÁO CUỐI KỲ**

**HỌC KỲ 3/2020-2021**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Đề tài**: **Chính sách cai trị của thực dân Pháp và thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Tàn dư của những chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam hiện nay.**

**Nhóm 07**

**Giảng viên hướng dẫn: Phạm Văn Lương**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2021**

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên với tình cảm sâu sắc và chân thành nhất, trong bối cảnh dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, cho phép em được bày tỏ lòng biết ơn đến trường Đại học Tôn Đức Thắng và Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn đã tạo điều kiện để sinh viên được tiếp tục việc học tập bằng phương pháp học trực tuyến. Tiếp theo, chúng em xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy/cô trường Đại học Tôn Đức Thắng và các thầy/cô là giảng viên thỉnh giảng của các trường Đại học khác đã cùng với tri thức và tâm huyết của mình để truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho chúng em trong suốt học kỳ vừa rồi.

Và đặc biệt, chúng em xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy Phạm Văn Lương đã tận tâm hướng dẫn chúng em qua từng buổi học và cũng là người tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình hoàn thành bài báo cáo cuối kì này.

Bộ môn Lý luận chính trị là những môn học thú vị, vô cùng bổ ích và có tính thực tế cao. Đảm bảo cung cấp đủ kiến thức, gắn liền với nhu cầu thực tiễn của sinh viên. Với điều kiện thời gian cũng như kinh nghiệm còn hạn chế của một sinh viên, bài báo cáo này không thể tránh được những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các quý thầy/cô để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức, kinh nghiệm của mình.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!

BÁO CÁO ĐƯỢC HOÀN THÀNH

**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Nhóm nghiên cứu cuối kỳ bộ môn Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam chúng tôi xin cam đoan đây là sản phẩm báo cáo của riêng chúng tôi và được sự hướng dẫn của GV. Phạm Văn Lương. Đảm bảo các nội dung, kết quả có trong bài nghiên cứu đều là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Ngoài ra trong nội dung báo cáo còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá từ các nguồn, tác giả, cơ quan tổ chứ khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đồ án của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do chúng tôi gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Đại diện nhóm:*

Danh sách nhóm 01

**Môn: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam- Ca 3 - Thứ 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MSSV** | **Họ và tên** | **Ghi chú** |
| 1 | 21900311 | Nguyễn Mạnh Ngọc Tiền |  |
| 2 | 21900492 | Đoàn Thị Thúy Ngân |  |
| 3 | 51900017 | Phan Thanh Bình |  |
| 4 | 51900217 | Nguyễn Trí Thanh |  |
| 5 | 51900290 | Lê Triệu Vỷ |  |
| 6 | 51900299 | Nguyễn Hoài Bảo |  |
| 7 | 51900771 | Nguyễn Sang Sinh |  |

MỤC LỤC

[LỜI CẢM ƠN i](#_Toc79873164)

[BÁO CÁO ĐƯỢC HOÀN THÀNH ii](#_Toc79873165)

[Danh sách nhóm 01 iii](#_Toc79873166)

[MỤC LỤC iv](#_Toc79873167)

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc79873168)

[1.1 Lý do chọn đề tài, tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu 1](#_Toc79873169)

[1.2 Mục đích và đối tượng nghiên cứu của đề tài 1](#_Toc79873170)

[1.3 Phạm vi nghiên cứu 2](#_Toc79873171)

[1.4 Phương pháp nghiên cứu 2](#_Toc79873172)

[PHẦN NỘI DUNG 3](#_Toc79873173)

[1. Chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp 3](#_Toc79873174)

[*1.1 Khai thác thuộc địa lần thứ nhất* 3](#_Toc79873175)

[*1.1.1 Chính trị* 3](#_Toc79873176)

[*1.1.2 Kinh tế* 3](#_Toc79873177)

[*1.1.3 Văn hóa* 4](#_Toc79873178)

[*1.2 Khai thác thuộc địa lần thứ hai* 5](#_Toc79873179)

[*1.2.1 Chính trị* 5](#_Toc79873180)

[*1.2.2 Kinh tế* 5](#_Toc79873181)

[*1.2.3 Văn hóa* 5](#_Toc79873182)

[2. So sánh chính sách cai trị của thực dân Pháp qua hai cuộc khai thác thuộc địa 6](#_Toc79873183)

[*2.1. Sự giống nhau qua hai cuộc khai thác* 6](#_Toc79873184)

[*2.2. Sự khác nhau giữa hai cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và thứ hai* 6](#_Toc79873185)

[3. Thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp sau khi thực dân Pháp xâm lược. 9](#_Toc79873186)

[*3.1 Giai cấp địa chủ và sự phân hóa sau khi thực dân Pháp xâm lược* 9](#_Toc79873187)

[*3.2 Giai cấp nông dân và thái độ của giai cấp nông dân sau khi thực dâp Pháp xâm lược* 9](#_Toc79873188)

[*3.3 Giai cấp công nhân và thái độ của giai cấp công nhân sau khi thực dân Pháp xâm lược* 10](#_Toc79873189)

[*3.4 Sự hình thành và phân hóa giai cấp tư sản ở nước ta sau khi thực dân Pháp xâm lược* 11](#_Toc79873190)

[*3.5 Tầng lớp tiểu tư sản và thái độ sau khi thực dân Pháp xâm lược* 12](#_Toc79873191)

[*3.6 Kết luận thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau khi thực dân Pháp xâm lược* 13](#_Toc79873192)

[4. Tàn dư của những chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam hiện nay 13](#_Toc79873193)

[*4.1. Chính trị* 13](#_Toc79873194)

[*4.2. Kinh tế* 14](#_Toc79873195)

[*4.3. Văn hóa và giáo dục* 15](#_Toc79873196)

[PHẦN KẾT LUẬN 16](#_Toc79873197)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO v](#_Toc79873198)

[BIÊN BẢN HỌP NHÓM vi](#_Toc79873199)

PHẦN MỞ ĐẦU

1.1 Lý do chọn đề tài, tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Chắc hẳn mọi người dân Việt Nam đều biết rõ để có được sự tự do, độc lập, dân chủ, bình đẳng và công bằng như hiện tại thì ông cha ta, tổ tiên ta đã phải trải qua biết bao cuộc đấu tranh, chiến đầu chỉ vì muốn dựng nước và giữ nước. Đấu tranh với rất nhiều quân xâm lược tàn khốc nhưng có lẽ quân xâm lược Pháp là một trong những kẻ thù mà dân tộc ta không bao giờ quên được với 2 lần khai thác thuộc địa kéo dài từ 1850-1930 và 2 bản hiệp ước được ký kết là hiệp ước Acmang 1883 và hiệp ước Patonot 1884 mà triều đình nhà Nguyễn đã ký với Pháp công nhận sự thống trị lâu dài của thực dân Pháp đối với nước ta. Sau khi ký hiệp ước, thực dân Pháp lập tức thiết lập chế độ chính trị vô cùng phản động và thực hiện chương trình khai thác thuộc địa nhằm vơ vét tài nguyên thiên nhiên về cho chính quốc, để lại hậu quả nặng nề cho đất nước Việt Nam.

Sự bốc lột dã man lên tất cả các tầng lớp trong xã hội được Pháp thực hiện trong suốt quá trình xâm lược giời đây đã trở thành nổi ám ảnh và sỡ hãi trước những ai đã từng chứng kiến. Chúng thực hiện chính sách cực kỳ phản động trên tất cả các mặt kinh tế- chính trị- xã hội nhằm đạt được lợi nhuận tối đa mà không hề nghĩ gì đến nhân dân ta. Tất cả những gì chứng đã làm với chúng ta đều cần được phân tích và lên án để giúp thế hệ hiện nay có thể nhận thức, hiểu rõ được tổ tiên ta đã phải trải qua những gì, chịu sự bốc lột như thế nào và đấu tranh ra sao để có được sự tự do như ngày này. Đồng thời cũng phản ánh một hiện thực không thể chối cãi đó là hậu quả mà thực Pháp đã để lại cho đất nước ta hiện nay.

1.2 Mục đích và đối tượng nghiên cứu của đề tài

Mục đích: Giúp tất cả mọi người, không chỉ riêng sinh viên có thể hiểu rõ được từng giai đoạn lịch sử của đất nước ta, của Đảng ta để đấu tranh thực dân Pháp và bảo vệ dân tộc. Qua đó cũng giúp chúng ta nhìn thấy được hiện thực, sự bóc lột và hậu quả mà thực dân Pháp đã làm ,để lại cho đất nước Việt Nam.

Đối tượng nghiên cứu: Sự kiện Pháp xâm lược nước ta trong một thời gian dài, trải qua hai chương trình khai thác thuộc địa  với vô số các cuộc đấu tranh của nhân dân Đảng và Nhà nước cùng với thái độ chính trị của tất cả các tầng lớp, giai cấp. Chính sách cai trị đó đã mang lại những hậu quả như thế nào và tàn dư của nó để lại cho đất nước ta hiện nay là gì . Các sự kiện phải được tái hiện trên cơ sở tư liệu lịch sử chính xác, trung thực, khách quan.

Yêu cầu: Tìm hiểu rõ đề tài và nắm được các vấn đề quan trọng của chính sách cai trị, thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp và tàn dư của những chính sách cai trị đó đối với nước ta.

1.3 Phạm vi nghiên cứu

Những tài liệu lịch sử cụ thể cùng hệ thống tư liệu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách cai trị của thực dân Pháp.

1.4 Phương pháp nghiên cứu

Một số phương pháp nghiên cứu cơ bản chủ yếu được sử dụng để nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:

Phương pháp logic và phương pháp lịch sử và sự kết hợp giữa hai phương pháp này. Phương pháp logic đi sâu tìm hiểu cái bản chất hiện tượng, các sự kiện, phân tích, tổng hợp với tư duy khái quát nó theo một trình tự rõ ràng. Phương pháp lịch sử là vận dụng các giai đoạn lịch sử, đi theo trình tự thời gian từ hình thành đến phát triển và kết quả.

Phương pháp so sánh: so sánh các sự kiện, các giai đoạn, hiện tượng lịch sử, làm rõ các mối quan hệ, so sánh giữa các tầng lớp giai cấp khác nhau.

Phương pháp phân tích: từ một đề tài có sẵn chúng ta có thể phân tích tạo thành một dàn bài cụ thể và phát triển nó theo từng ý phù hợp với chủ đề

Phương pháp làm việc nhóm: đối với một bài báo cáo nhóm thì phương pháp này rất cần thiết. Nó thể hiện tinh thần hợp tác, đoàn kết, hòa đồng và trao đổi ý kiến để giúp bài báo cáo trở nên hoàn chỉnh nhất, phù hợp nhất. Ngoài các phương pháp chính trên còn có các phương pháp tổng hợp, tìm hiểu, điều tra xã hội học…

PHẦN NỘI DUNG

1. Chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp

*1.1 Khai thác thuộc địa lần thứ nhất*

*1.1.1 Chính trị*

Tổ chức bộ máy nhà nước của Pháp: Liên bang Đông Dương được quân Pháp thành lập trong đó có Việt Nam, Lào và Campuchia. Đứng đầu của liên bang này đây là Toàn quyền người Pháp.

Việt Nam là xứ duy nhất được chia thành ba xứ tương ứng với ba cơ chế cai trị hoàn toàn khác nhau:

1. Bắc Kỳ: xứ nửa bảo lãnh
2. Trung Kỳ: xứ bảo lãnh
3. Nam Kỳ: xứ thuộc địa

Thực dân Pháp tiến hành chia để trị giữa người lương và giáo, nội bộ từng dân tộc với nhau, giữa người kinh với dân tộc anh em khác nhằm âm mưu chia rẽ lực lượng, phá vỡ khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc để chúng dễ bề đàn áp, thống trị.

*1.1.2 Kinh tế*

Pháp tập trung đẩy mạnh đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam. Chính sách khai thác thuộc địa về mặt kinh tế được thực hiện như sau:

* Ở Yên Bái, thực dân Pháp thực hiện chính sách phản động một mặt duy trì kinh tế phong kiến, mặt khác chúng vơ vét tài nguyên, sản phẩm, bóc lột nhân công rẻ mạt để phục vụ cho công nghiệp chính quốc và biến Yên Bái thành nơi tiêu thụ hàng hóa cho Pháp
* Thực dân Pháp thực hiện chính sách thuế khóa hết sức nặng nề, dã man: thuế đinh (hay thuế thân), thuế “kiếm ốc”, thuế điền và nhiều loại thuế khác, đặc biệt là thuế muối bị đánh thuế rất nặng

Các chính sách khai thác thuộc địa của Pháp dẫn đến kinh tế ở yên bái lạc hậu, tự cấp, tự túc. Kinh tế việt nam phát triển què quặt, hướng vào vơ vét, bóc lột cho chính quốc

Công nghiệp: Pháp chú trọng khai thác khoáng sản (than, kim loại) và lâm sản (gỗ, chè, quế) , khai thác rất thô sơ, lạc hậu, chủ yếu dựa vào sức người

Nông nghiệp: thực dân Pháp bắt đầu thi hành chính sách di dân doanh điền nghĩa là chủ đồn điền ngoài bọn Pháp còn có một số quan lại và tư sản người Việt, địa chủ nhà Chung. Tình cảnh người dân bị mất đất, một số phải đi làm thuê rất cực khổ. Dưới sự cai trị của Pháp phương pháp canh tác ngày càng lạc hậu, năng suất thấp.

Thương nghiệp: Độc chiếm thị trường Việt Nam. Pháp nắm  độc quyền ngoại thương và một phần nội thương, thu mua nông, lâm sản với giá rẻ mạt, độc quyền phân phối muối, bán ép rượu; Đánh thuế nhẹ hoặc miễn thuế với các mặt hàng của Pháp. Những mặt hàng thông dụng của người Việt bị đánh thuế nặng.

*1.1.3 Văn hóa*

Pháp thực hiện chính sách ngu dân nhằm khiến dân ta trở nên nghèo nàn, lạc hậu về tri thức, không còn sức mạnh tinh thần để chúng dễ dàng cai trị. Cụ thể như sau:

1. Chúng duy trì, khuyến khích các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan nhất là ở vùng các dân tộc thiểu số.
2. Rất ít trường tiểu học nhưng cũng chỉ để đào tạo con em trở thành đội ngũ tay sai Pháp vì thế đa số học sinh là con em quan lại, địa chủ, thổ hào
3. Chúng ra sức đầu độc thanh thiếu niên bằng sách báo phản động, đồi truỵ, bằng các tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu) hòng làm cho thế hệ trẻ bị tha hóa.
4. Y tế: bệnh dịch diễn ra thường xuyên

Hậu quả sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất khiến Việt Nam ta nhanh chóng rơi vào tình trạng khủng hoảng, tài nguyên cạn kiệt, nông nghiệp lạc hậu và dậm chân tại chỗ, công nghiệp phát triển nhỏ giọt, thiếu hẳn các ngành công nghiệp nặng. Việt nam trở thành thị trường cung cấp tài nguyên độc chiếm của Pháp

*1.2 Khai thác thuộc địa lần thứ hai*

*1.2.1 Chính trị*

Pháp tăng cường chính sách cai trị và khai thác thuộc địa . Bộ máy đàn áp, cảnh sát, mật thám, nhà tù hoạt động ráo riết. Ngoài ra còn cải cách chính trị- hành chính : đưa thêm người Việt vào làm các công sở.

*1.2.2 Kinh tế*

Pháp đầu tư mạnh với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam so với lần khai thác thuộc địa đầu tiên. Cụ thể:

* Nông nghiệp: Pháp chú trọng đầu tư nông nghiệp nhiều nhất, chủ yếu mở rộng diện tích đồn điền cao su, nhiều công ty cao su được thành lập (Đất đỏ, Misolanh...)
* Công nghiệp : Mở mang các ngành dệt, muối, xay xát..., đặc biệt là khai thác mỏ
* Thương nghiệp : Ngoại thương phát triển, giao lưu buôn bán nội địa được đẩy mạnh. Đánh thuế nặng vào hàng ngoại nhập, hàng hoá Pháp tràn vào nước ta ta ngày càng nhiều
* Giao thông vận tải : Phát triển, đô thị mở rộng. Được xây dựng để phục vụ cho công cuộc khai thác nổi bật là đường sắt xuyên Đông Dương.
* Ngân hàng Đông Dương: Đại diện cho thế lực tài chính Pháp, nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương

*1.2.3 Văn hóa*

Hệ thống giáo dục Pháp - Việt được mở rộng. Cơ sở xuất bản, in ấn ngày càng nhiều, ưu tiêu xuất bản các sách báo cổ vũ chủ trương "Pháp - Việt đề huề"; Các trào lưu tư tưởng, khoa học – kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật phương Tây vào VN; Các yếu tố văn hóa truyền thống và tiến bộ tồn tại đan xen và đấu tranh với nhau

Các trào lưu tư tưởng, khoa học- kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật phương Tây vào Việt Nam tạo ra sự chuyển biến mới về nội dung, phương pháp tư duy sáng tác. Các yếu tố văn hóa truyền thống, văn hóa tiến bộ và ngoại lai nô dịch cũng tồn tại, đan xen, đấu tranh với nhau.

Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam tuy có một số chuyển biến tuy nhiên về cơ bản vẫn là nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển. xuất hiện thêm các giai cấp mới

2. So sánh chính sách cai trị của thực dân Pháp qua hai cuộc khai thác thuộc địa

*2.1. Sự giống nhau qua hai cuộc khai thác*

Cả hai cuộc khai thác thuộc địa lần I và II đều là những cuộc khai thác toàn diện trên mọi mặt, đặc biệt là về kinh tế

* Mục đích: khai thác tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động dồi dào ở thuộc địa, biến Việt Nam thành thị trường rộng lớn, phụ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Pháp.
* Hình thức khai thác: bóc lột sức lao động của nhân dân, tăng các loại thuế khóa.
* Hệ quả: Làm cho nền kinh tế Việt Nam ngày càng kiệt quệ, trở thành thị trường của thực dân Pháp và ngày càng lệ thuộc vào chúng
* Tác động:

1. Tạo ra những chuyển biến về kinh tế và xã hội.
2. Làm cho mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng gay gắt và sâu sắc.

*2.2. Sự khác nhau giữa hai cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và thứ hai*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội Dung** | Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất | Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai |
| **Thời gian** | 1897-1914 | 1919-1929 |
| **Hoàn cảnh** | Sau khi thực hiện bình định xong về quân sự ở Việt Nam | Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất(1914-1918) |
| **Mục đích** | * Khai thác tài nguyên, khoáng sản(đặc biệt nhất là than đá) * Bóc lột sức lao động rẻ mạt của nhân dân ta * Chuẩn bị cho chiến tranh * Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ của Pháp. | * Bù đắp thiệt hại sau chiến tranh thế giới thứ nhất * Lấy lại vị thế trong hệ thống tư bản chủ nghĩa * Độc chiếm thị trường Đông Dương |
| **Đặc điểm** |  | Quy mô lớn, tốc độ nhanh, vốn đầu tư nhiều, thu lãi cao |
| **Nội dung** | * Nông nghiệp: Cướp ruộng đất của nông dân để lập đồn điền * Công nghiệp: * Khai thác khoáng sản, mỏ(đặc biệt là mỏ than) * Xây dựng 1 số cơ sở công nghiệp phục vụ cho đời sống của bọn thực dân như điện, nước, bưu điện,.. * Giao thông vận tải: đầu tư vào giao thông, đường xá để phục vụ cho nhu cầu khai thác và mục đích quân sự( điển hình là chia để trị) * Thương nghiệp: độc quyền về xuất nhập khẩu hàng hoá | * Nông nghiệp: được chú trọng nhiều hơn, nhất là các đồn điền và cao su * Công nghiệp: * Mở các ngành mới: dệt, muối, rượu, xay xát,…nhưng vẫn chú trọng khai thác mỏ than đến mức gần cạn kiệt * Hạn chế phát triển công nghiệp nặng như luyện kim, hóa chất, cơ khí,.. * Giao thông vận tải: Mạng lưới đô thị được mở rộng, dân cư đông đúc hơn * Thương nghiệp: ngoại thương được phát triển, giao lưu buôn bán được đẩy mạnh * Tài chính: Lập ngân hàng Đông Dương và nắm toàn quyền chỉ huy; phát hành tiền giấy và cho vay lãi cao; thi hành nhiều chính sách tăng thuế |
| **Tác động** | * Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu du nhập vào Việt Nam cùng tồn tại song song với phương thức sản xuất phong kiến. * Chính điều này đã làm cho nền kinh tế Việt Nam phải phát triển phiến diện, lệ thuộc cả 2 phương thức. * Xã hội bắt đầu có sự phân chia giai cấp: * Giai cấp địa chủ và nông dân có sự phân hóa. * Các lực lượng giai cấp mới ra đời (giai cấp công nhân) và nảy sinh (giai cấp tư sản và tiểu tư sản) | * Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tiếp tục du nhập vào Việt Nam * Hình thái kinh tế chuyển biến rõ rệt( từ hình thái phong kiến sang tư bản chủ nghĩa) * Mặc dù kinh tế có sự phát triển nhất định nhưng do ngành công nghiệp nặng nên kinh tế phụ thuộc vào nền kinh tế Pháp, phát triển không đều. * Xã hội có sự phân hoá sâu sắc và rõ rệt: * Giai cấp địa chủ và nông dân tiếp tục bị phân hóa, giai cấp công nhân phát triển mạnh * Cùng với đó là giai cấp tư sản và tiểu tư sản ra đời và phát triển mạnh |

3. Thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp sau khi thực dân Pháp xâm lược.

*3.1 Giai cấp địa chủ và sự phân hóa sau khi thực dân Pháp xâm lược*

Nếu như trong thời kỳ phong kiến, giai cấp địa chủ và nông dân là hai giai cấp cơ bản trong xã hội, thì đến khi thực dân Pháp xâm lược, giai cấp địa chủ bắt đầu bị phân hóa.

Một phần đầu hàng, làm tay sai cho thực dân Pháp. Mặc dù chế độ phong có bị xóa bỏ thế nhưng nhờ vào sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản Pháp nên giai cấp địa chủ vẫn được duy trì, củng cố, thậm chí là phát triển mạnh mẽ hơn trước.Nhờ vào tăng cường chỗ dựa thực dân Pháp, chúng dùng mọi biện pháp để bóc lột, áp bức nông dân đến tận cùng. Cũng vì thế giai cấp này nhanh chóng giai cấp mạnh mẽ, cơ sở xã hội và là công cụ hữu ích cho chủ nghĩa tư bản Pháp.

Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận địa chủ yêu nước phản đối thực dân Pháp, đứng lên chống lại. Bên cạnh việc tham gia, họ còn ủng hộ tiền tài của cải của mình cho nhân dân cùng nhau chống lại giặc Pháp, nêu cao tinh thần dân tộc khởi xướng và lãnh đạo các phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương. Một số không chịu nỗi nhục mất nước, có mâu thuẫn với đế quốc về quyền lợi dân tộc đã trở thành lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân Pháp và phong kiến phản động.

Một bộ phận địa chủ nhỏ đã tận dụng thời cơ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa.

Dù là bộ phận phân hóa nào đi nữa thì địa vị kinh tế của giai cấp địa chủ giai đoạn này đều được tăng cường, nắm trong tay nhiều ruộng đất và nắm quyền ở các đại phương.

*3.2 Giai cấp nông dân và thái độ của giai cấp nông dân sau khi thực dâp Pháp xâm lược*

Đây là giai cấp có xuất thân nghèo khổ khốn khó, dù chiếm số lượng đông đảo trong xã hội vẫn bị đàn áp bóc lột bởi bọn tay sai và thực dân Pháp. Đất đai trong tay bị địa chủ tước đoạt, mùa màng thất bác. Đầu năm 1945, tỉ lệ nông dân chiếm 95% dân số trong xã hội bây giờ thế nhưng lại chỉ có 30% diện tích đất được làm chủ bởi nông dân. Điều này góp phần dẫn đến nạn đói năm 1945 khiến hơn 2 triệu người chết vì thiếu gạo. Nạn đói năm Ất Dậu 1945 đã trở thành một thảm kịch đau lòng nhất của người Việt nửa đầu thế kỷ XX. Mâu thuẫn giữa nông dân với thực dân Pháp và bọn tay sai ngày càng gay gắt.

Chính sách độc quyền kinh tế của Pháp: mua rẻ bán đắt, nâng cao các loại tô, thuế, thêm chế độ cho vay nặng lãi của đế quốc và phong kiến đã từng bước đẩy nông dân vào con đường không lối thoát. Bằng mọi cách họ phải tìm mọi cách để được sống. Một số ít bán sức lao động, làm thuê trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền của Pháp. Một số lại cố trụ lại làm thuê trên chính mảnh đất mà họ từng sở hữu, gắng gượng dưới chế độ áp bức của bọn thực dân và tay sai. Lòng căm phẫn với bọn cướp nước càng trở nên sâu sắc.

Đó là nguyên nhân khiến họ giác ngộ và tích cực tham gia các phong trào yêu nước để giành lại quyền tự do dân chủ. Cuộc sống trở nên khó khăn vô cùng đã khiến lòng căm ghét chế độ bóc lột của thực dân Pháp trở nên sâu sắc, ý thức dân tộc dâng cao. Giờ đây, họ sẵn sàng hưởng ứng, tham gia các cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù cướp nước và bọn tay sai.

*3.3 Giai cấp công nhân và thái độ của giai cấp công nhân sau khi thực dân Pháp xâm lược*

Quá trình hình thành và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam gắn liền với công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp những năm cuối thế kỷ XIX. Họ xuất thân chủ yếu từ giai cấp nông dân bị mất đi ruộng đất, tư liệu sản xuất, khi đế quốc thực dân tiến hành mở các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, khu đồn điền, hầm mỏ,..v..v..., họ đành phải bán sức lao động của mình cho chúng và trở thành  đội ngũ những người công nhân đầu tiên của Việt Nam.

Giai cấp công nhân trước đây là nông dân đã chịu sự chèn ép của địa chủ phong kiến, đến nay tiếp tục bị áp bức, bóc lột bởi tư sản và đế quốc. Sự mâu thuẫn của họ với xã hội phong kiến lạc hậu, với giai cấp tư sản Pháp và với đế quốc thực dân ngày càng gay gắt và dần lên tới đỉnh điểm.

Chính những mâu thuẫn sâu sắc ngày càng thể hiện rõ rệt kết hợp với lòng yêu nước nội tại trong mỗi con người đã dấy lên tinh thần đấu tranh mạnh mẽ trong giai cấp công nhân. Bên cạnh đó, họ còn có điều kiện tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin cùng trào lưu cách mạng thế giới, từ đó nhanh chóng tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, phát triển từ “tự phát” đến “tự giác”,  ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng ngày càng vững vàng cũng như được nâng cao. Đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh, phát triển cả về số lượng và chất lượng, nhanh chóng vươn lên thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

“Số lượng các cuộc đấu tranh của công nhân trong năm 1928-1929 tăng gấp 2,5 lần so với 2 năm 1926-1927. Từ tháng 1 đến tháng 4-1930, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè, các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy... Từ tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào, đặc biệt trong tháng 5-1930 đã nổ ra 16 cuộc bãi công của công nhân. Vào tháng 8-1930 nổ ra cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy - Vinh đánh một thời kỳ đấu tranh kịch liệt.”.

Những cột mốc lịch sử cùng với tinh thần đấu tranh giành quyền tự do của công nhân Việt Nam ta đã thể hiện tinh thần yêu nước cùng với sự bế tắc khi bị thực dân Pháp bóc lột đến cùng cực. Giai cấp công nhân nước ta đầu thế kỷ XX nổ ra những cuộc cách mạng yếu ớt, nhanh chóng bị thực dân Pháp dập tắt. Họ bất lực không thể làm gì hơn khi không có một tổ chức và một đường lối đúng đắn để tự giải thoát mình, để có thể tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của tất cả giai cấp và sức mạnh của thời đại.

*3.4 Sự hình thành và phân hóa giai cấp tư sản ở nước ta sau khi thực dân Pháp xâm lược*

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân và cũng hình thành và phát triển cùng với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trước chiến tranh thế giới I, giai cấp tư sản ở nước ta chỉ là một tầng lớp nhỏ bẻ và không rõ ràng, chỉ đến khi chiến tranh thế giới I nổ ra, giai cấp tư sản ở nước ta mới từng bước hoàn hiện và hình thành hình thái rõ rệt. Tuy nhiên, vì ra đời trong điều kiện thực dân Pháp chèn ép, cạnh tranh ngăn cản sự phát triển, số lượng tư sản Việt Nam vẫn không nhiều.

Do thái độ chính trị nên được phân hóa theo quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, nên tư sản Việt Nam dần phân hóa thành hai bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc.

Tư sản mại bản là bộ phận gắn liền lợi ích với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp. Vì không thể tự làm giàu theo cách tư bản nên chúng phải dựa vào thế lực của đế quốc bằng việc làm trung gian cầu nối, tiến hành buôn bán tài nguyên cùng quyền lợi của nhân dân ta cho các thế lực thù địch. Đây là bộ phận cấu kết chặt chẽ với đế quốc, bán rẻ lợi ích dân tộc, là kẻ thù của cách mạng.

Tư sản dân tộc là bộ phận có khuynh hướng kinh doanh độc lập, tuy nhiên bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm dẫn đến việc bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế vậy nên đã trở thành một giai cấp yếu kém, không kiên quyết, dễ dàng bị thỏa hiệp, nhất là khi nhận được những lợi ích về kinh tế. Thêm vào đó, tư sản dân tộc không hội tụ đủ điều kiện nên không có khả năng tập hợp, lãnh đạo các giai cấp tầng lớp khác đến tiến hành cách mạng mặc dù ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ, yêu nước và đề các cao phong trào giải phóng.

*3.5 Tầng lớp tiểu tư sản và thái độ sau khi thực dân Pháp xâm lược*

Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam ra đời cùng với giai cấp tư sản. Bao gồm nhiều thành phần như sinh viên, viên chức, trí thức, những người làm nghề tự do như tiểu thương, tiểu chủ,… bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, đời sống bấp bênh, gặp nhiều khó khăn, dễ bị phá sản trở thành người vô sản.

Họ nuôi nấng cho mình lòng yêu nước và căm thù đế quốc, thực dân. Tầng lớp tiểu tư sản có điều tiếp xúc với những trào lưu, tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài nên đi đầu trong việc mở rộng và tiếp thu chúng. Họ nhạy bén về chính trị và thời cuộc, mang tinh thần cách mạng, là lực lượng hăng hái đấu tranh và là lực lượng quan trọng của cách mạng. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, thái độ hay dao động, thiếu kiên định, do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

Những nỗ lực của tầng lớp tiểu tư sản có thể kể đến như xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh, phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng (12-1927 - 2-1930) đã diễn ra rộng khắp các tỉnh Bắc kỳ.

Hầu hết các phong trào đều lần lượt thất bại do thiếu đường lối chính trị đúng đắn, thiếu phương pháp đấu tranh thích hợp và chưa có tổ chức vững mạnh để tập hợp cũng như lãnh đạo. Tuy nhiên, điều này cũng góp phần cổ vũ phong trào yêu nước, thúc đẩy việc lựa chọn con đường mới, giải pháp mới theo xu thế của thời đại để cứu nước, giải phóng dân tộc.

*3.6 Kết luận thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau khi thực dân Pháp xâm lược*

Dưới chính sách cai trị và bóc lột nặng nề của thực dân Pháp, chúng thẳng tay khai thác triệt để từ tài nguyên đến sức người của nhân dân ta. Sự thống trị, áp bức bóc lột của chúng càng tăng mang đến kết quả tất yếu mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp càng sâu sắc. Sự phản kháng và đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc được in sâu vào trong lòng từng con người Việt Nam bất kể tầng lớp, giai cấp. Những con người Việt Nam chung số phận đều giữ trong mình sự căm thù giặc và nỗi đau lòng khi đất nước mất đi sự tự do, quyết tâm đấu tranh và giành quyền làm chủ vận mệnh của mình. Chỉ có những số nhỏ thành phần bán rẻ lợi ích dân tộc đem mua lợi ích cá nhân, đây chính là kẻ thù của cách mạng mà chúng ta cần phải đấu tranh tới cùng cùng với thực dân Pháp xâm lược.

4. Tàn dư của những chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam hiện nay

*4.1. Chính trị*

Thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam chính sách pháp luật hết sức phản động, phân biệt đối xử giữa người da trắng và người bản địa. Trong tác phẩm “*Bản án chế độ thực dân Pháp*” (năm 1925), Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) viết: “Về hành chính và pháp lý: cả một vực thẳm cách biệt người Âu với người bản xứ. Người Âu hưởng mọi tự do và ngự trị như người chủ tuyệt đối; còn người bản xứ thì bị bịt mõm và bị buộc dây dắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca, vì nếu anh ta dám phản đối thì anh ta liền bị tuyên bố là kẻ phản nghịch hoặc là một tên cách mạng, và bị đối xử đúng với tội trạng ấy”. Chính vì sự phân biệt này của Pháp đối với Việt Nam mà hiện nay nó đang xảy ra theo chiều ngược lại, nhân dân ta có một sự phân biệt với người Pháp. nó trở thành một thói quen khi nhìn thấy một người Pháp hay bất kỳ một người Tây nào.

Chia Đất nước ta thành 3 miền Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và hiện nay nhà nước ta vẫn giữ như vậy, điều này không ảnh hưởng gì lớn đến chính trị như mỗi khi người miền Nam nhắc đến người miền Bắc thì lại có sự phân biệt, họ không gọi nhau là đồng bào ta mà gọi nhau là dân Bắc Kỳ, dân Nam kỳ hay Trung kỳ. Nó còn là một khoảng cách rất nhỏ nhưng chưa thể xóa bỏ về cách xưng hô với nhau.

*4.2. Kinh tế*

Sau khi đã độc lập khỏi Pháp, Việt Nam thiếu nền tảng kinh tế - kỹ thuật, thiếu lực lượng lao động có kỹ năng, thiếu nhà quản lý, thiếu chuyên gia, thuyết doanh nhân, thiếu truyền thống, văn hóa kinh doanh để có thể phát triển kinh tế. Những thiếu sót này kéo dài đến tận ngày nay, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. So với các thuộc địa của Nhật Bản hay một số nước thực dân khác, thực dân Pháp ở Đông Dương đã để lại cho thuộc địa trạng thái mong mong yếu ớt và hầu như không có khả năng tự tái thiết trước và sau khi giành độc lập năm 1954. Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam đi theo mô hình phương Tây điển hình, thể hiện rõ ở chỗ nó kiếm lợi nhuận chủ yếu thông qua việc bóc lột tài nguyên thuộc địa. Do khả năng sinh lời của các nguồn tài nguyên như thế chủ yếu dựa vào sự chênh lệch giá, nên Pháp không cần phải thành lập một bộ máy hành chính thuộc địa phát triển để tăng năng suất, và cũng không cần thực hiện công nghiệp hóa quy mô lớn. Số lượng công chức, chuyên gia Pháp đưa sang Việt Nam ít hơn 15 lần so với số lượng mà Nhật Bản đưa sang thuộc địa Triều Tiên trong cùng thời kỳ. Bởi quy mô nền công nghiệp của thực dân Pháp ở Việt Nam quá nhỏ, và sự phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu nông nghiệp, vấn đề thiếu năng lực thể chế có nghĩa là không có nền tảng để phát triển sau khi Việt Nam giành được độc lập. Bởi các nguyên nhân này, ngay cả khoản viện trợ cực lớn (115 tỷ USD tính theo thời giá 2016) Mỹ đã đổ vào miền Nam Việt Nam (từ năm 1954 tới 1975) cũng không thể sử dụng một cách hiệu quả. Cho đến tận ngày nay thì những nhược điểm này vẫn tồn tại. Việt Nam vẫn là một quốc gia xuất khẩu nông sản, tài nguyên; năng lực thể chế yếu khiến cho Việt Nam không thể sử dụng một cách hiệu quả nguồn lực của mình.

*4.3. Văn hóa và giáo dục*

Tiếng Việt, ngôn ngữ mẹ đẻ của người Việt bị tác động lớn, quan trọng nhất là chữ Hán và chữ Nôm (được người Việt sử dụng hàng trăm năm, là văn tự phổ biến của người Việt lúc đó) bị những người Pháp đứng đầu chính quyền thuộc địa ra các nghị định hạn chế nhằm bảo hộ chữ Quốc ngữ (chữ Latinh). Sử dụng chữ Quốc ngữ làm văn tự chính thức đã tạo điều kiện cho văn học, báo chí viết bằng chữ Quốc ngữ phát triển làm cho việc truyền bá tri thức và văn hóa phương Tây trở nên dễ dàng hơn. Do chữ Quốc ngữ là chữ tượng thanh, việc học chỉ đi kèm học âm đọc nên học chữ Quốc ngữ dễ học hơn chữ Hán, vì thế có thể có thể dùng chữ Quốc ngữ xóa mù chữ nhanh chóng, biết đọc và biết viết là đủ. Tuy nhiên, chữ Hán và chữ Nôm là chữ biểu nghĩa, học chữ phải đi kèm với học cả ý nghĩa của chữ, nó giúp người sử dụng tiếng Việt phân biệt đồng âm khác nghĩa thì lại bị hạn chế, dẫn đến ngày nay người Việt thường dùng sai từ, hiểu nhầm nghĩa của từ (đặc biệt hiểu nhầm ý nghĩa của tên người và tên địa danh Việt Nam).

Đồng thời thì việc chữ Hán từ địa vị là văn tự học thuật chính thống trở thành một văn tự không quan trọng khiến rất hầu hết đa số người Việt không còn khả năng đọc hiểu các tài liệu chữ Hán và chữ Nôm của tiền nhân. Hậu quả dẫn đến người Việt bị tách ra khỏi di sản văn học, khoa học, sử học, tư tưởng của dân tộc viết bằng chữ Hán, chữ Nôm đã tích lũy trong hơn 10 thế kỷ, rất khó để đa số người Việt có thể tự đọc lại và hiểu về chúng. Hiện nay thậm chí nhiều người Việt còn không tin người Việt xưa cũng nói tiếng Việt, vì chữ viết khi đó là chữ Hán nên lại hiểu nhầm người Việt xưa nói tiếng Trung. Điều này rất nguy hiểm, nếu như không giải thích rõ tiếng Việt cũng có thể viết bằng chữ Hán và chữ Nôm thì những di sản của Việt Nam được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm bởi chính người Việt Nam sẽ bị hiểu nhầm là di sản của Trung Quốc.

Vấn đề thay đổi nội dung giáo dục, bãi bỏ phép khoa cử truyền thống lấy Nho giáo làm trọng tâm khiến cho Nho giáo mất dần ảnh hưởng lên đời sống xã hội và chìm vào quên lãng, các giá trị văn hóa truyền thống bị thui chột.

PHẦN KẾT LUẬN

Qua quá trình phân tích, tổng hợp và nghiên cứu về đề tài “Chính sách cai trị của thực dân Pháp và thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam”. Chúng ta đã thấy rõ sự độc ác và tàn nhẫn của thực dân Pháp khi tiến hành các chính sách cai trị về tất cả các lĩnh vực từ chính trị đến kinh tế, văn hóa – xã hội và tàn dư nặng nề vẫn còn tồn tại đối với Việt Nam ta hiện nay. Thông qua các phương pháp nghiên cứu lịch sử gắn liền với thực tiễn, đề tài tập trung phân tích những chính sách cai trị của thực dân Pháp ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, cùng với đó là thái độ của các giai cấp, tầng lớp xã hội Việt Nam sau khi thực dân Pháp xâm lược.

Truyền tải những nội dung cơ bản cũng như phân tích các khía cạnh để giúp chúng ta hiểu rõ hơn về sự tàn phá nặng nề xã hội Việt Nam sau khi thực dân Pháp xâm lược, thông qua đó giúp khơi dậy tinh thần yêu nước và củng cố niềm tin đối với Đảng và nhà nước. Mỗi người dân Việt Nam dù ở bất cứ tầng lớp, giai cấp xã hội nào, thì đều là một mảnh ghép không thể thiếu trong khối đại đoàn kết dân tộc. Chỉ cần đường lối của Đảng cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn dắt, khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam nhất định sẽ đi đến thành công.

Mặc dù nhân dân ta đã thắng lợi to lớn trong cuộc cách mạng này, song những tàn dư là thực dân Pháp để lại là vô cùng nặng nề. Nhân dân phải chịu cảnh tan nhà, nát cửa, nạn đói hoành hành. Nhờ có Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh mà đất nước ta dần ổn định kinh tế và hiện nay đang trên đà phát triển rộng mở. Nhưng có nhiều vấn đề về văn hóa, tôn giáo vẫn nhức nhối hiện nay là phân biệt vùng miền, họ dùng những từ “Bắc kỳ”, “Nam kỳ”,… để khiêu khích và gây mất đoàn kết cùng với đó là mê tín dị đoan vẫn còn. Mỗi con người cần phải tự ý thức cao và đề cao cảnh giác trước những điều đó để nước Việt Nam phát triển bền vững và lâu dài.

Ý nghĩa thực tiễn: phân tích nhiều khía cạnh nhằm giúp cho mọi người hiểu được về chính sách cai trị cũ của thực dân Pháp, chỉ trích những hành động vơ vét tài nguyên, bóc lột con người một cách tàn ác của bọn chúng, đồng thời làm sáng tỏ những hậu quả, tàn dư mà chúng để lại trên các nước thuộc địa thời bấy giờ nói chung và Việt Nam nói riêng.

Ý nghĩa khoa học: Từ các luận điểm, luận cứ được phân tích trong bài và dựa vào đó để phân tích và nghiên cứu sâu hơn về một quá trình lịch sử mà thực dân Pháp đã áp đặt chính sách cai trị lên Việt Nam để tìm hiểu rõ tận gốc bản chất vô nhân đạo của bọn chúng.

Tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung đề tài nghiên cứu và hoàn thiện những khía cạnh chưa được đào sâu và phân tích. Tập trung vào phân tích vào sự chuyển mình của các tầng lớp, giai cấp cũng như tinh thần yêu nước của mỗi người dân trong khối đại đoàn kết dân tộc. Mở rộng đề tài về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự hình thành, đường lối của Đảng tiến đến cách mạng giành quyền tự do dân tộc sau 61 năm Pháp thuộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Chương I. Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thể kỷ XIX đầu thể kỷ XX, *Lịch Sử Việt Nam*<http://www.lichsuvietnam.vn/home.php?option=com_content&task=view&id=967&Itemid=69>

[2]. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb CTQG, H.2006, tr.28

[3]. *PGS, TS. Lý Việt Quang* , “Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam là khai hóa văn minh - một luận điệu xuyên tạc”, 24/05/2019

http://tapchiqptd.vn/vi/phong-chong-dbhb-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/thuc-dan-phap-xam-luoc-viet-nam-la-khai-hoa-van-minh-mot-luan-dieu-xuyen-tac/13773.html

[4].<https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_thu%E1%BB%99c>

[5]. http://tapchiqptd.vn/vi/phong-chong-dbhb-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/thuc-dan-phap-xam-luoc-viet-nam-la-khai-hoa-van-minh-mot-luan-dieu-xuyen-tac/1377

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

(*V/v Phân công công việc /Đánh giá hoàn thành)*

**1. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự.**

**1.1. Thời gian:** 20:00 Ngày 12/8/2021

**1.2. Địa điểm:** Google Meet

**1.3. Thành phần tham dự:**

+ Chủ trì: Nguyễn Sang Sinh

+ Tham dự: Tất cả các thành viên nhóm 7.2

+ Vắng: Không

**2. Nội dung cuộc họp**

**2.1.Nhóm trưởng đánh giá mức độ hoàn thành công việc cho các thành viên như sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **MSSV** | **Nhiệm vụ** | **Đánh giá hoàn thành** | **Mức độ** |
| 1 | Nguyễn Mạnh Ngọc Tiền | 21900311 | * Phần mở đầu * Tổng kết bài và nộp bài |  |  |
| 2 | Đoàn Thị Thúy Ngân | 21900492 | * Tàn dư của những chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam hiện nay |  |  |
| 3 | Phan Thanh Bình | 51900017 | * Chính sách cai trị của thực dân Pháp |  |  |
| 4 | Nguyễn Trí Thanh | 51900217 | * Phần kết luận |  |  |
| 5 | Lê Triệu Vỷ | 51900290 | * Thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp sau khi thực dân Pháp xâm lược |  |  |
| 6 | Nguyễn Hoài Bảo | 51900299 | * So sánh chính sách cai trị của Pháp qua hai cuộc khai thác thuộc địa |  |  |
| 7 | Nguyễn Sang Sinh | 51900771 | * Thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp sau khi thực dân Pháp xâm lược * Chỉnh sửa văn phong |  |  |

**2.2. Ý kiến của các thành viên:** Tất cả các thành viên đều đồng ý bảng đánh giá mức độ hoàn thành công việc và không có ý kiến bổ sung.

**2.3. Kết luận cuộc họp:** Tất cả các thành viên trong nhóm đều thống nhất nội dung báo cáo và kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân.

Cuộc họp đi đến thống nhất và kết thúc lúc 19 giờ 30 phút cùng ngày.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký**  **Đoàn Thị Thúy Ngân** | **Chủ trì**  **Nguyễn Mạnh Ngọc Tiền** |